

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán		Vật lí	Hóa học	Tin học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục		XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				15'	1T	1T	1T	15'	1T	1T	15'	1T	M	15'					
1	Huỳnh Duy	Anh		8	6.3	5.8	9	10	6.8	3.5	7	5.8	Đ	Đ	K			49.5	T
2	Nguyễn Thị Minh	Ánh	X	7	7.8	2	5.5	5	7.8	8.3	7	3.8	Đ	Đ	Y			50	T
3	Đình Ngọc Kiều	Diễm	X	8	4.5	7.5	8	8	6.3	6.5	7	6.5	Đ	Đ	TB			50	T
4	Huỳnh Mai Mỹ	Duyên	X	8	7.8	5.8	9	10	6.5	7	7	4.8	Đ	Đ	K			50	T
5	Lê Ngọc Thùy	Duyên	X	7	4.5	4.3	8	7	6.8	5.5	7	4.8	Đ	Đ	TB			50	T
6	Cao Minh	Đức		7	7.3	7.3	8.3	6	8	5.5	8	5	Đ	Đ	K			49.5	T
7	Trần Huỳnh Tiến	Hải		10	8	6.8	8.5	8	8	6	7	5.5	Đ	Đ	K			50	T
8	Phạm Thị Mỹ	Hân	X	8	5	6.8	8.5	7	7	6	8	5	Đ	Đ	K			50	T
9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	X	9	7.3	6.3	7.8	6	7	5.5	8	5	Đ	Đ	K			50	T
10	Lê Việt	Hoàng		8	5.5	4.8	6.8	4	7	6	8	4.8	Đ	Đ	TB			50	T
11	Võ Phạm Gia	Huy		9	6.8	5	8.8	8	5	4.5	8	7.8	Đ	Đ	TB			50	T
12	Hứa Phước	Khải		10	6.5	4.5	7.3	7	6	1	7	5.3	Đ	Đ	TB			50	T
13	Nguyễn Minh	Khang		10	7.8	6.5	8.5	4	7	5.5	8	4.3	Đ	Đ	TB			48.5	T
14	Trần Bình	Khiêm		7	6.8	3.8	7.5	3	6.8	6.8	7	3.8	Đ	Đ	Y			50	T
15	Dương Sương	Minh	X	7	3	1.8	3.8	10	7	6.5	8	5.8	Đ	Đ	Kem			49.5	T
16	Cao Ngọc Kim	Ngân	X	7	6	5	8.5	9	6.8	3	7	5.8	Đ	Đ	TB			50	T
17	Hà Thị Tuyết	Ngân	X	7	7	7	8.3	9	6	5.3	7	4.5	Đ	Đ	K			50	T
18	Bùi Văn	Nghĩa		7	6.8	5	6.3	2	7	6.3	8	2.3	Đ	Đ	Y			49.5	T
19	Huỳnh Hữu	Ngọc	X	8	3.8	5	4.8	8	6	5.3	7	4.5	Đ	Đ	TB	1	0	50	T
20	Trần Bảo	Ngọc	X	7	5.3	4	7.3	4	7.5	7.3	7	8	Đ	Đ	TB			50	T
21	Huỳnh Phúc	Nguyên		8	6.5	5.3	7.3	10	6	3.8	7	3	Đ	Đ	TB			49	T
22	Phan	Nguyễn		7	5	2	8.5	8	5.5	5.5	7	5.8	Đ	Đ	Y			50	T
23	Lê Tâm	Nhi	X	8	5	3.5	7.8	10	7.8	6.5	8	3.3	Đ	Đ	TB			50	T
24	Phạm Nguyễn Ngọc	Phước		7	5.5	3.8	7.5	0	7	6.5	7	3.5	Đ	Đ	Kem			47	T
25	Nguyễn Thanh	Phương		8	7.5	6.3	8.3	5	7	5	7	5.5	Đ	Đ	K			49.5	T
26	Phạm Ngọc	Quả		10	8.3	5	8.3	10	6	4.3	8	5.5	Đ	Đ	K			50	T
27	Đặng Nguyễn Minh	Quân		8	3.5	2.3	3.3	1	7	6	7	3	Đ	Đ	Kem			50	T
28	Nguyễn Võ Anh	Quân		7	3.3	3	6	1	7.8	5.5	7	5	Đ	Đ	Kem			50	T
29	Phan Anh	Tài		7	5	6.5	9	10	6.5	6	8	5.8	Đ	Đ	TB			48.5	T
30	Phạm Thanh	Tâm	X	8	6	6.8	6.3	7	6.8	7	7	5.3	Đ	Đ	K			50	T

31	Chung Nguyễn Duy	Tân		7	5.5	1.5	8.8	3	6	5	7	5.8	Đ	Đ	Kem			49.5	T
32	Ngô Thị Phương	Thảo	X	9	7	6.8	9.3	8	7.5	6	7	2.5	Đ	Đ	TB			50	T
33	Sú Quang	Thịnh		8	0.3	3	8.5	4	6	4	6	2.8	Đ	Đ	Y	1	0	48	T
34	Nguyễn Thị Minh	Thư	X	7	5.8	7.3	7.5	9	6.8	6.5	7	7.8	Đ	Đ	K			50	T
35	Nguyễn Thành	Tính		8	6.3	4.3	8.3	9	6.3	4.5	7	5	Đ	Đ	TB			49	T
36	Đồng Vương	Triều		8	7	7	8.8	10	6.5	5.5	7	3.8	Đ	Đ	TB			50	T
37	Trần Thanh	Uyên	X	7	4.5	1	8.5	8	6.3	6	7	4.8	Đ	Đ	Kem			49.5	T
38	Bùi Lê Tân	Vy	X	7	1.8	2	7.3	7	5	5.5	7	6	Đ	Đ	Y			49.5	T
39	Nguyễn Huỳnh Tường	Vy	X	7	5	3.8	6.5	3	6.5	5.5	8	4.5	Đ	Đ	Y			50	T
40	Nguyễn Nhật	Vy	X	7	4	1.5	5.5	7	7.5	6.5	7	5.3	Đ	Đ	Kem			48.5	T
41	Lương Quyền	Xương		8	4.5	5.5	8	10	6.3	5	7	4	Đ	Đ	TB			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương